

**T**rong quá trình học tập, nghiên cứu môn kinh tế chính trị Mác-Lênin có không ít sinh viên lúng túng, không hiểu trước các vấn đề như: tại sao Marx xác định giá trị hàng hóa là do chi phí lao động của người sản xuất hàng hóa tạo nên, nhưng chỗ khác khi xác định giá trị hàng hóa trong sản xuất TBCN Marx lại cho rằng giá trị là "c+v+m", rồi sau đó giá trị lại là k+p" (giá cả sản xuất). Các vấn đề khác như mối liên hệ giữa giá trị thặng dư (m) với lợi nhuận (p), với lợi tức, địa tô? v.v...

đổi đó không làm thay đổi bản chất mối quan hệ trao đổi của sản phẩm giữa 2 khu vực sản xuất xã hội, có thể được trừ tượng.

Điều có ý nghĩa quyết định thành công khi vận dụng phương pháp trừ tượng hóa trong nghiên cứu kinh tế chính trị là xác định đúng điểm xuất phát nghiên cứu. K. Marx đã nghiên cứu quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu từ nghiên cứu hàng hóa. Bởi vì sản xuất hàng hóa là hình thức phổ biến của sản xuất tư bản chủ nghĩa và hàng hóa như là tế bào của nền kinh tế đó.

TB bất biến ngang với giá trị TLSX (do lao động quá khứ tạo nên) được lao động cụ thể của công nhân bảo tồn, chuyển nguyên vẹn sang sản phẩm.

"v+m" là phần giá trị mới do hao phí lao động trừ tượng của công nhân (lao động sống) tạo ra trong sản phẩm.

Như vậy phạm trù giá trị - lao động được cụ thể hóa thành giá trị - lao động

(lao động sống + lao động quá khứ).

Phân tích quá trình lưu thông tư

## Trừ tượng hóa

# Một phương pháp cơ bản trong nghiên cứu kinh tế

TS. HỒ TẤN PHONG

Không thể trả lời đúng những câu hỏi trên cũng như không thể hiểu đầy đủ các nguyên lý của kinh tế chính trị Marx nếu không nắm vững một phương pháp quan trọng trong của kinh tế là trừ tượng hóa khoa học.

Trong các khoa học kinh tế nói chung cũng như kinh tế chính trị, phương pháp trừ tượng hóa có ý nghĩa lớn lao trong nghiên cứu; nhận thức các hiện tượng, các quá trình kinh tế xã hội. Marx đã xác định ý nghĩa của phương pháp trừ tượng hóa là ... "khi phân tích những hình thái kinh tế thì người ta không thể dùng kính hiển vi hay những chất phản ứng hóa học được, sức trừ tượng hóa phải thay thế cho cả hai cái đó". Phương pháp trừ tượng hóa đòi hỏi trong quá trình phân tích, nhận thức sự vật cần phải gạt bỏ những yếu tố ngẫu nhiên, cá biệt để tìm đến cái phổ biến, điển hình, biểu hiện bản chất của sự vật. Vì vậy, khi nghiên cứu kinh tế chính trị của Marx người ta thường gặp những giả định: giả định tư liệu sản xuất chuyển hết giá trị sang sản phẩm sau một năm sản xuất, giả định tỷ suất giá trị thặng dư m'=100%... Mặc dầu thực tế có những tư liệu sản xuất không chuyển hết giá trị sang sản phẩm sau một năm, và tỷ suất giá trị thặng dư có xu hướng tăng lên...nhưng những biến

Nghiên cứu hàng hóa, Marx đã bắt đầu từ cái biểu hiện bên ngoài của nó - giá trị sử dụng, giá trị trao đổi, đến cái ẩn náu trừ tượng bên trong - giá trị hàng hóa do hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa tạo nên - lao động trừ tượng. Ở đây lao động trừ tượng được hiểu là sự đồng nhất về mặt sinh lý của các loại lao động khác nhau.

Mặt khác, lao động trừ tượng lại biểu hiện sự giống nhau và sự thống nhất của mọi thứ lao động hóa dù cho lao động của người sản xuất hàng hóa đều là lao động tư nhân, nhưng trong giá trị, nó biểu hiện thành một bộ phận của toàn bộ lao động xã hội.

Giá trị - lao động là sự trừ tượng hóa đến bản chất quan hệ kinh tế mà hàng hóa chứa đựng.

Đằng sau quan hệ trao đổi hàng hóa cho nhau là quan hệ trao đổi lao động giữa hai người sản xuất hàng hóa. Đó là hình thức quan hệ nhất định trong lịch sử - Vì vậy giá trị là phạm trù lịch sử. Điều mà D.Ricardo và các nhà kinh tế trước Marx đã không nhận thấy.

Tuy nhiên giá trị lao động như đã nói là một phạm trù rất trừ tượng, Sự phát triển tiếp tục của tư duy lý luận, khi phân tích quá trình sản xuất giá trị thặng dư lại đưa đến phạm trù giá trị  $G=c+v+m$ . Trong đó C, giá trị

bản: Khi chi phí lao động được thay bằng chi phí sản xuất tư bản ( $K:c+v$ ) giá trị thặng dư chuyển hóa thành lợi nhuận (P), giá trị hàng hóa  $G=c+v+m$ , chuyển thành  $G=k+p$ .

Trong thời kỳ tự do cạnh tranh, do cạnh tranh giữa các ngành để tìm nơi đầu tư có lợi dẫn đến sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và lợi nhuận bình quân (P) giá trị hàng hoá lại mang hình thức là giá cả sản xuất (k+p). Giá cả thị trường xoay quanh giá cả sản xuất, quy luật giá trị hoạt động hình thức quy luật giá cả sản xuất và quy luật giá trị thặng dư hoạt động dưới hình thức quy luật lợi nhuận bình quân.

Như vậy, từ sự khám phá ban đầu giá trị do lao động hao phí của người sản xuất hàng hóa tạo nên đến giá trị,  $G=c+v+m$ , giá trị  $G=k+p$  và giá trị - giá cả sản xuất là từng bước phát triển của nhận thức từ cái trừ tượng, bản chất nhất qua các phạm trù trung gian cần thiết của nhận thức, đến biểu hiện thực tế của nó.

Tư duy lý luận cũng chưa thể dừng lại ở phạm trù lợi nhuận, lợi nhuận bình quân nói chung, mà chúng còn được tiếp tục cụ thể hóa thành các phạm trù: lợi nhuận công nghiệp, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức, địa tô TBCN. Cũng như phạm trù tư bản khả biến (v) là biểu hiện cho giá trị sức lao động tổng hợp -

sức lao động làm thuê. Sức lao động tổng hợp đó có thể là của người công nhân đứng máy, của kỹ sư, của nhà quản lý: giám đốc hay của những ai được tư bản thuê mướn,... nghĩa là lao động chân tay, lao động trí óc. Không nên đồng nhất V chỉ với lao động của người công nhân quai búa, chọc lò.

Phạm trù tư bản bất biến C, trong công thức là  $G=c+v+m$  cũng là phạm trù rất trừu tượng. Phân tích chu chuyển tư bản công nghiệp phần sau lại tách C thành hai phần C1: tư bản cố định và C2: tư bản lưu động.

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học được Marx sử dụng một cách phổ biến, xuyên suốt trong nghiên cứu quy luật sản xuất tư bản. Khi nghiên cứu tư bản với tư cách là sự vận động Marx đã phân tích tuần hoàn và chu chuyển của tư bản công nghiệp như là sự thống nhất cả sản xuất và lưu thông là sự trừu tượng đúng đắn. Trong quá trình vận động

của sản xuất, từ ba hình thái của tuần hoàn tư bản công nghiệp đã tách ra: Hình thái tư bản, hàng hóa tách ra thành tư bản thương nghiệp; hình thái tư bản tiền tệ tách ra thành tư bản cho vay, và tư bản sản xuất còn lại.

Nghiên cứu sự vận động của tổng tư bản xã hội Marx đã trừu tượng hóa tất cả sự đa dạng của các loại lao động cụ thể, các loại sản phẩm trong xã hội khi chia nền sản xuất xã hội thành 2 khu vực: Khu vực I: sản xuất tư liệu sản xuất và khu vực II, sản xuất tái hiện tiêu dùng. Sự phân chia này theo cách tiếp cận khác cách phân chia 3 khu vực sản xuất xã hội hiện nay. Theo cách phân chia của Marx, các loại dịch vụ mang tính sang sẽ nằm ở khu vực I dịch vụ tiêu dùng cá nhân nằm ở khu vực II. Chính sự phân chia đó giúp Marx không chỉ phát hiện ra mối quan hệ sản phẩm giữa 2 khu vực (3 điều kiện thực hiện sản phẩm xã hội trong tái sản xuất giản đơn, tái sản xuất mở

rộng tư bản), mà còn chỉ ra tư tưởng về vai trò quan trọng của khu vực I đối với khu vực 2 và đối với sản xuất xã hội – tích lũy khu vực II quyết định qui mô tích lũy khu vực II trên cơ sở tư tưởng này Lê-nin đã phân tích tiếp để rút ra nguyên lý về ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất.

Trên đây là một số liên hệ về việc vận dụng phương pháp trừu tượng hóa trong nghiên cứu kinh tế chính trị Marx. Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học này là yêu cầu không thể thiếu cho bất cứ một người làm công tác nghiên cứu kinh tế cho phép chúng ta tìm đến bản chất các hiện tượng, quá trình kinh tế trong sự vận động đa dạng, vô cùng phức tạp của nền sản xuất hàng hóa

(Tiếp theo trang 15)

## Khủng hoảng kinh tế tài chính ...

**Bài học 2:** Để các doanh nghiệp và nền kinh tế phát triển bền vững thì lãi suất vốn vay để đầu tư phải tương đương với hoặc nhỏ hơn khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Như vậy, để phát triển bền vững, lãi suất tín dụng chủ yếu phải hình thành qua quan hệ cung cầu vốn trên thị trường, chứ không phải dựa vào ý chí của Nhà nước. Nếu lãi suất tín dụng nhỏ hơn khả năng sinh lời của doanh nghiệp và sản phẩm của doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, thì doanh

các ngân hàng kém, thì đều có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thấp hơn lãi suất tiền gửi bình quân. Còn Mỹ và Singapore là hai nước có tiếng là hiệu quả kinh tế cao, thì tốc độ tăng trưởng GDP đều cao hơn lãi suất tiền gửi. Ngay cả Malaysia, tuy có một nguy cơ khủng hoảng, song do hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp và ngân hàng vẫn cao nên tăng trưởng GDP vẫn lớn hơn lãi suất tiền gửi (Bảng 5.1).

**Bài học 3:** Cần có một tổ chức chuyên trách của Chính phủ theo dõi sự biến động của lạm phát, tỉ giá hối đoái, lãi suất tín dụng trong nước và quốc tế, cán cân tài khoản vãng lai, nợ quốc gia, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp để đề xuất các chính sách và điều tiết cần thiết, bảo đảm phát triển

quốc gia bền vững với tăng trưởng tương đối cao ■

Bảng 5.1: Tăng trưởng GDP bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân 1991 - 1996

	Thái Lan	Hàn Quốc	Indonesia	Malaysia	Mỹ	Singapore
Tăng trưởng GDP bình quân 1991 - 1996 (%/năm)	7.72	7.42	7.21	8.75	5.32	11.26
Lãi suất tiền gửi bình quân 1991 - 1996 (%/năm)	10.26	8.90	7.33	6.70	4.77	3.30

Nguồn: [5]

nh nghiệp có thể sẽ càng phát triển nhanh và hiệu quả kinh doanh cao, nếu càng vay được nhiều vốn. Tức là vay vốn mà lại phát triển bền vững.

So sánh tốc độ tăng trưởng GDP và lãi suất tiền gửi ở một số nước cho ta minh họa khá thú vị (Bảng 5.1).

Ba nước đã tích lũy đủ cả bốn nguy cơ khủng hoảng kinh tế - tài chính là Thái Lan, Hàn Quốc và Indonesia, trong đó có hai nguy cơ, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp và

hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

3. "Fusion Confusion", The Economist, 4.4.1998, P.87.

4. Đinh Thơm, Khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, nguyên nhân và giải pháp, NXB thông tin KHXH, Hà Nội, 1998.

5. IMF, International Statistics, 1.1999.

6. Facts about Korea, Korean Information Service, Seoul, Korea, 2001.

7. Nguyễn Thiện Nhân, Khủng hoảng kinh tế - tài chính ở châu Á 1997 - 1999, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2002.

**Tài liệu tham khảo:**  
1. ASEAN University Network, Economic Crisis in Southeast Asia and Korea, Tradition and Modernity Publisher, Seoul, Korea, 2000.

2. Viện nghiên cứu thương mại: Khủng